ÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH B

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 125/2023/QĐST-DS

G, ngày 27 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 19 tháng 12 năm 2023 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 449/2023/TLST-DS ngày 27 tháng 11 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là hoàn toàn tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: ông Phan Văn N sinh năm 1988; địa chỉ: số 257, ấp T, xã T1, huyện G, tỉnh B.

- *Bị đơn*: bà Đặng Thị Kim T, sinh năm 1988; địa chỉ: số 166, ấp Phú Tân, xã Châu Hòa, huyện G, tỉnh B. *Người đại diện theo ủy quyền*: ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1979; địa chỉ: số 114A, ấp P, xã P1, huyện C, tỉnh B.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bà Đặng Thị Kim T có nghĩa vụ trả cho ông Phan Văn N số tiền là 1.183.000.000đ (một tỷ một trăm tám mươi ba triệu đồng) vào ngày 19/3/2024. Trong đó:

- Tiền vốn: 1.000.000.000đ (một tỷ đồng);
- Tiền lãi: 183.000.000đ (một trăm tám mươi ba triệu đồng).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Sau khi bà T thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền, ông Phan Văn N có nghĩa vụ chuyển quyền lại cho bà T thửa đất số 266, tờ bản đồ 31, diện tích 6491m^2, mục đích sử dụng: đất ở tại nông thôn 300m^2, đất trồng cây lâu năm 6191m^2, tọa lạc tại xã Châu Hòa, huyện G, tỉnh B, Giấy chứng nhận số DH 977978, số vào sổ cấp GCN CS07822 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Phan Văn N vào ngày 09/11/2022.

3. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch do hoà giải thành được giảm 50% theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án {(36.000.000 đồng + 3% x 383.000.000 đồng) : 2}:

Ghi nhận việc bà Đặng Thị Kim T tự nguyện nộp toàn bộ án phí là 23.745.000đ (hai mươi ba triệu bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

Chi cục Thi hành án dân sự huyện G trả lại cho ông Phan Văn N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 25.596.000đ (hai mươi lăm triệu năm trăm chín mươi sáu nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002550 ngày 22/11/2023.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện G;
- CCTHADS huyện G;
- TAND tỉnh B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đặng Thị Ngọc Duyên